

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CNV+TD2+BK9	7:25	7+10+5	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
2		VSP02+HST+AMD	7:25	21+0+1	0+0+0		15+4+1	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ HST-AMD
3		CTK3+P11+RC5	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+1	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P11- RC5RC5 VỀ ĐỂ ĐI RP2 CHUYỂN CUỐI
4		RP2+TD2+P7	7:25	14+7+1	0+0+0		0+10+0	0+0+0	
5		RC3+VSP02+BK8	9:25	8+14+0	0+0+0		1+15+2	0+0+0	
6		PPD+BK14+CTK3	9:25	4+10+8	0+0+0		1+12+5	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX BK14-CTK3
7		AMD+HSD+P5	9:25	20+2+0	0+0+0		8+0+10	0+0+0	CHUYEN 3 PAX TỪ AMD-HSD
8		VSP02+PPD	9:25	6+16	0+0		3+19	0+0	
9		RP2+RP3	11:25	22+0	0+0		0+15	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/RC5 VỀ BỜ I NGƯỜI SAU ĐÓ ĐI RP2 CHUYỂN CUỐI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/12/2018	TO: CNV - TD2 - BK9	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

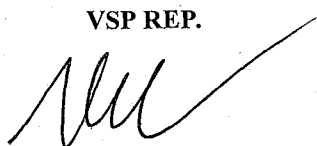
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ VIỆT HÙNG	CNV	81-84	4	20	35	67	HVJOC-VP	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	76	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CNV	80	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HẢO	CNV	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	79	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	75	1	5		78	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHONG*TT	TD2	01-02	2	15	35	63	KHOAN	Vietnamese
9	BRACHIKOV A.S	TD2	03	1	8		85	KHOAN	Russian
10	TRẦN QUỐC TUÂN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC DŨ	TD2	09-10	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN HOÀN	TD2	07-08	2	12		56	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ VĂN THỎA	TD2	06	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	04	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2					60	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	05	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC CHÍNH	BK9	62	1	2	50	71	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK9	56	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN BÌNH	BK9	61	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	60	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

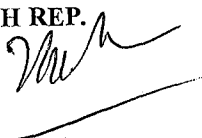
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	10	54	516	35	7		
2	TD2	9	10	73	621	35	10		
3	BK9	5	5	23	356	50	5		
TOTAL		21	25	150	1.493	120	22		
WEIGHT KG				150	1.493	120			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/12/2018	TO: VSP02 - HST - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

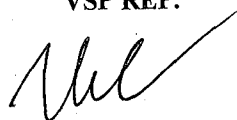
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOAI	VSP02	600	1	12		70	YTE	Vietnamese
2	BUI KIEN ĐỨC	VSP02	94-95	2	17		76	D-HANH	Vietnamese
3	HA THANH SANG	VSP02	96	1	10		60	D-HANH	Vietnamese
4	THAI VAN TUAN	VSP02	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	POKLONSKIY	VSP02	85	1	5		82	KH-THAC	Russian
6	ĐANG NGOC CUONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN LE HOI	VSP02	92-93	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN KINH	VSP02				60	60	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI XUAN TIEN	VSP02	87	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DINH KHOA	VSP02	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TRUNG SONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HA	VSP02	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE CONG HOAN	VSP02	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH THAO	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG TRUNG VIET	VSP02	91	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	96	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUU KHANH	VSP02	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO VAN KHA KHA	VSP02	89	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	90	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
21	HA MANH THANG	VSP02	88	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	HY TAC SANG	AMD	91	1	10	10	72	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	18	109	1.427	60	15		CHUYEN 02 PAX TU HST SANG AMD
2	HST	0	0	0	0	0	4+2		
3	AMD	1	1	10	72	10	1		
TOTAL		22	19	119	1.499	70	20		
WEIGHT KG				119	1.499	70			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

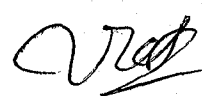
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2018	TO: CTK3 - P11 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạng - N.Nam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TU THANG	CTK3	02	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG XUAN HIEU	CTK3	21-22	2	12		58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI KHAC PHONG	CTK3	03	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	20	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HA MINH GIANG	CTK3	05	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	19	1	5	10	68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH NHO HOANG	CTK3	11-12	2	7		86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	23	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN QUANG TUAN	CTK3	09	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC HANH	CTK3	06-08	3	15		78	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM QUOC CUONG	CTK3	18	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THANH QUANG	CTK3	17	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN TUYEN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TU ANH	CTK3	01	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAO VIET HUNG	CTK3	15	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUU BAO	CTK3	04	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ĐAC THANH	CTK3	10	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN KHAC THANG	CTK3	16	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN ĐAN QUE	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN XUAN THANH	CTK3	13	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN ĐOAN	CTK3	14	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	23	97	1.530	10	20		CHUYEN 02 PAX TU P11 SANG RC5
2	P11	0	0	0	0	10	0+2		
3	RC5	0	0	0	0	50	1		
TOTAL		22	23	97	1.530	70	21		
WEIGHT KG				97	1.530	70			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/12/2018	TO: RP2 - TD2 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Bằng - L Hải - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÀI	RP2	85	1	6		70	TECMACH	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	RP2	87	1	8		60	TECMACH	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH TUÂN	RP2	83	1	7		73	TECMACH	Vietnamese
4	TRỊNH PHẠM THANH	RP2	100	1	6		63	TECMACH	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY HAO	RP2	52	1	8	17	63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THUY	RP2	86	1	12	35	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY DƯƠNG	RP2	500	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN HỘI	RP2	88	1	15		53	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN THẮNG	RP2	098-099	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
10	DUONG VAN TUAN	RP2	84	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TÙNG	RP2	300	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RP2	34	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC TUÂN	RP2	98-99	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI ĐÌNH PHI	RP2	33	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN CAO MÔNG	RP2	10,800	2	20		60	GETRACO	Vietnamese
16	ĐÌNH NGỌC GIANG	TD2	29	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG HAI BANG	TD2	27	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	28	1	4	40	71	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	26	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
20	MAI XUÂN TÙNG*MC-PVD	TD2	30	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	16	1	2		98	KHOAN	Vietnamese
22	BAEV IUM	P7	20	1	7		86	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

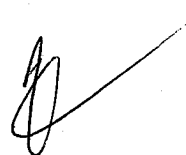
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	18	183	991	52	0		
2	TD2	6	6	34	478	40	15		
3	P7	1	1	7	86	0	0		
TOTAL		22	25	224	1.555	92	15		
WEIGHT KG				224	1.555	92			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/12/2018	TO: RC3 - VSP02 - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Văn - THAO - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

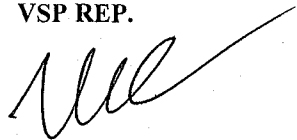
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT DŨNG	RC3	72	1	12	70	68	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN NGU	RC3	70	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH VƯƠNG	RC3	66-67	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM NGOC NAM	RC3	76-77	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ QUANG HUNG	RC3	68	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG ĐỊNH	RC3	69,71	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG XUÂN THĂNG	RC3	95	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG HUNG	RC3	73-74	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	62	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI HUY BINH	VSP02					79	KH-THAC	Vietnamese
11	VU THAI SON	VSP02	39	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	44	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG ANH HUNG	VSP02	40	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO ĐỨC CHU	VSP02	67	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	94	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LŨ SƠN	VSP02	74	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ VĂN HUNG	VSP02	93	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	65	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	VSP02	95	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN CHIẾN THĂNG	VSP02	66	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	12	118	574	70	1		
2	VSP02	14	12	44	940	0	15		
3	BK8	0	0	0	0	35	2		
TOTAL		22	24	162	1.514	105	18		
WEIGHT KG				162	1.514	105			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPIAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2018	TO: PPD - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - Vũ	ETA: 11:25
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	93-94	2	18	68	60	KHI	Vietnamese
2	BUI VĂN VIỆN	PPD	97	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO MẠNH HÙNG	PPD	95-96	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	92	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THE DIEN	BK14	52	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN TOAN	BK14	53	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐAO KIM CUONG	BK14	58	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN LAM	BK14	65	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	VU DINH HUY	BK14	56-57	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LUYEN VAN THIEU	BK14	54	1	8	25	78	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG HUU THUAN	BK14	59	1	4	52	72	CODIEN	Vietnamese
12	LUONG ANH VU	BK14	60	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
13	PHAN TIEN CUONG	BK14	55	1	5		62	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN PHUC	BK14	51	1	5		90	PSV	Vietnamese
15	TRUONG QUOC BAO	CTK3	34	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM QUANG THAI	CTK3	29	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	30	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU QUYNH AN	CTK3	24	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
20	CHERNHIADDEV I.	CTK3	26-27	2	15	10	68	NIPI	Russian
21	LUONG THE HIEN	CTK3	32-33	2	8		63	NIPI	Vietnamese
22	VU DINH CHIEN	CTK3	25	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	4	6	36	275	68	1		CHUYEN 1-PAX BK14 SANG CTK3
2	BK14	10	11	62	697	77	12	1	
3	CTK3	8	10	53	586	10	5		
TOTAL		22	27	151	1.558	155	18		
WEIGHT KG				151	1.558	155			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2018	TO: AMD - HSD - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - N Nam	ETA: 11:30
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	JESUS CHILLON FERNANDEZ	AMD	03	1	10		80	TLJOC	ESPANA
2	NGUYEN MINH NHUT	AMD	02	1	5		70	TLJOC	Vietnamese
3	LE TRUNG HOA	AMD	01	1	13		65	PETRONAS	Vietnamese
4	NGO SY KHOI	AMD	24	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH VAN PHA	AMD	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRI TRUNG	AMD	23	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TRUNG KIEN	AMD	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH KHOA	AMD	04	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TUAN CHUNG	AMD	12	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	AMD	14-15	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHI MANH HAI	AMD	13	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN QUANG LONG	AMD	07	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
13	LE MINH THUAN	AMD	08-09	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HA VAN THUY	AMD	11	1	10	30	74	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG CONG TAN	AMD	16-17	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN TOAN	AMD	18-19	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
17	HO CHIEN THANG	AMD	22	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HIEP THANH	AMD	10	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
19	HA QUANG HUY	AMD	25	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DO DUY TIEN	AMD	20-21	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN NGOC THU	HSD	19	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TAN	HSD	18	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	25	181	1.412	30	8	2	CHUYEN 3 PAX TU AMD SANG HSD
2	HSD	2	2	14	146	0	0		
3	P5	0	0	0	0	35	10		
TOTAL		22	27	195	1.558	65	18		
WEIGHT KG				195	1.558	65			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2018	TO: VSP02 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Bằng - L Hải - THẢO	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HẬU	VSP02	71	1	10		57	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC CÀNH	VSP02	72	1	12	40	77	CODIEN	Vietnamese
3	NIKITIN	VSP02	87	1	8		90	ANTOAN	Russian
4	NGUYỄN MẠNH TÙNG	VSP02	98	1	8		78	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG THẮNG	VSP02	70	1	5		84	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	VSP02	69	1	5		55	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD	75	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	72-73	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HOAI BAO	PPD	63-64	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	66	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH TRÍ	PPD	70	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO ĐỨC QUÂN	PPD	82-83	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	67	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
17	BIỆN MINH SƠN	PPD	98	1	4	110	84	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VĂN VIỆT	PPD	68	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	71	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	74	1	6		100	KH-THAC	Vietnamese
21	FESSENKO V.	PPD	69	1	5		75	NIPI	Russian
22	NGUYỄN PHU QUANG	PPD	62	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	6	6	48	441	40	3		
2	PPD	16	17	91	1.155	110	19		
TOTAL		22	23	139	1.596	150	22		
WEIGHT KG				139	1.596	150			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2018	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Vậ - MTHAO - Luy	ETA: 13:30
vang-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DINH	RP2	16	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN DINH MINH	RP2	94-95	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
3	VO NGUYEN MINH PHUOC	RP2	92-93	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHUOC	RP2	19	1	10	30	76	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VAN TAN	RP2	06	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN CAO TRI	RP2	17-18	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HAI LINH	RP2	07-08	2	16		76	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN LINH	RP2	15	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LE DINH HOAN	RP2	99	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HUY	RP2	200	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
11	HA MANH HUNG	RP2	98	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
12	VO VAN SON	RP2	91	1	5		54	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HUNG	RP2	02	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DINH SON	RP2	71-01	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN TRUNG QUYEN	RP2	13-14	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THUY	RP2	20	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN DANG HUAN	RP2	96-97	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN VAN BANG	RP2	05	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN MANH HUNG	RP2	11-12	2	17		85	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN QUOC VAN	RP2	09-10	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM TIEN DANG	RP2	03-04	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
22	BAMBUROV ***	RP2	24	1	10		90	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	32	303	1.512	30	0		
2	RP3	0	0	0	0	0	21		
TOTAL		22	32	303	1.512	30	21		
WEIGHT KG				303	1.512	30			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK14	7:25	18+4	0+0		15+0	0+0	
2		RC3+PVD6	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
3		CLO+RCDM	7:25	22+0	0+0		13+1	0+0	
4		P8+TTC3	7:25	17+4	0+0		16+5	0+0	
5		TD5+GTCl	7:25	22+0	0+0		10+5	0+0	
6		PVD2+VSP01	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
7		P6+TD3	9:25	8+14	0+0		6+16	0+0	
8		P1+P4	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
9		RP3+PVD6	9:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
10		PPD	9:25	22	0		22	0	
11		PVD2	11:25	22	0		21	0	
12		TGTH4+AMD	11:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
13		VSP01+P4	11:25	18+4	0+0		14+4	0+0	
14		AMD+P6	11:25	3+19	0+0		3+19	0+0	
15		TTCl+TTC2+PPD	11:25	5+6+11	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
16		PVD6	13:25	22	0		18	0	
17		P8+P6+P7	13:25	9+5+8	0+0+0		8+1+13	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: TD1 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - ATUÂN - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KROKHALEV MIKHAIL	TD1	38	1	6		90	KHOAN	Russian
2	HOANG TUAN ANH	TD1	58-59	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	VU DINH PHONG	TD1	55	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM CONG TIEN	TD1	34	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1	54	1	5	40	62	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC QUANG	TD1	47	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NHU BANG	TD1	43	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN NGUYEN	TD1	37	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH SON	TD1	46	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	VU MANH HAI	TD1	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH CAO TRONG	TD1	39	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	DO NGUYEN GIAP*PK-PVD	TD1	35-36	2	11		74	KHOAN	Vietnamese
13	HO MINH TRINH	TD1	49	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRAN NAM	TD1	56-57	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE XUAN THANG	TD1	44-45	2	17		82	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG QUOC VIET	TD1	52-53	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TUAN	TD1	42	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THO TU	TD1	40-41	2	8		60	NHA THAU	Vietnamese
19	HAN TRICH GIANG	BK14	73-74	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN QUY HAI	BK14	70-71	2	17	40	95	XAYLAP	Vietnamese
21	VU XUAN CHINH	BK14	72	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN VAN TOAN	BK14	68-69	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	24	133	1.263	40	15		
2	BK14	4	7	66	293	40	0		
TOTAL		22	31	199	1.556	80	15		
WEIGHT KG				199	1.556	80			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

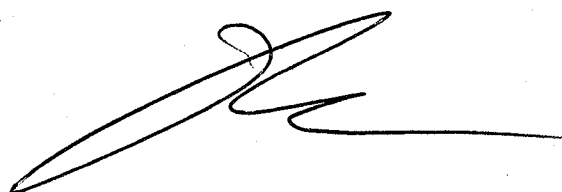
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: RC3 - PVD6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ANH TUÂN	RC3	83-84	2	17	40	67	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN QUYẾT TIẾN	RC3	82	1	5		74	PVGAS	Vietnamese
3	ĐO TIẾN MẠNH	PVD6	67-68	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI SƠN HẢI	PVD6	66	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH ĐẠI	PVD6	84	1	10	16	69	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUANG ĐIẾP	PVD6	82	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	LƯƠNG NHƯ THIÊN	PVD6	73	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRỊNH XUÂN TÍNH	PVD6	80-81	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TÔ QUỐC TUÂN	PVD6	71	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN CƯỜNG	PVD6	69	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
11	CÁP VĂN SEN	PVD6	75	1	9		59	KHOAN	Vietnamese
12	PHẦN THAI KHANH	PVD6	83	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM NGOC SON	PVD6	78	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN VAN TRUONG	PVD6	74	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NANG TIEP	PVD6	54-55	2	9		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC QUYET	PVD6	77	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN NGOC LE	PVD6	52	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN LOI	PVD6	53	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MANH HUNG	PVD6	72	1	9		78	XAY LAP	Vietnamese
20	DAO HAI TUNG	PVD6	76	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
21	DINH DUC TIEN	PVD6	79	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
22	LE VAN NAM	PVD6	65	1	7		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	3	22	141	40	0		
2	PVD6	20	23	186	1.374	31	22		
TOTAL		22	26	208	1.515	71	22		
WEIGHT KG				208	1.515	71			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: CLO - RCDM	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐỨC - THẢO	ETA: 09:35
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN TRUNG	CLO	29	1	5	31	70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY NAM	CLO	97	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	CLO	27	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀU VAN MINH	CLO	95	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VAN ĐUỘC	CLO	600	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	96	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	CLO	98	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO THANH LIEM	CLO	26	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	99	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN GIA THAO*PK-PVD	CLO	94	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THE TAM	CLO	39-40	2	13		79	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO VĂN QUANG	CLO	25	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TRỌNG HẠCH	CLO	28	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
15	KHUC THAI HOA*DMC	CLO	34-35	2	13		62	NHA THAU	Vietnamese
16	KIEU TUAN ANH	CLO	36	1	5		88	DVL	Vietnamese
17	VUONG KIEN QUOC	CLO	41	1	9		80	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG	CLO	38	1	9		71	DVL	Vietnamese
19	VŨ XUÂN CANH	CLO	43	1	11		70	DVL	Vietnamese
20	LÊ HOÀI THIÊN	CLO	93	1	15		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN HUU VIỆT	CLO	37	1	15		55	DVL	Vietnamese
22	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	CLO	44	1	14		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	24	181	1.576	31	13		
2	RCDM	0	0	0	0	65	1		
TOTAL		22	24	181	1.576	96	14		
WEIGHT KG				181	1.576	96			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: P8 - TTC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐTuấn - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DONG	P8	13	1	10		80	YTE	Vietnamese
2	TRAN VAN DOANH	P8	07	1	3		70	VIET PHAT	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUY	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH CHANH PHAT	P8	01	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	OVCHARENKO	P8	11	1	4		88	KH-THAC	Russian
6	TRAN QUOC VIET	P8	03	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	LE QUANG HIEN	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TUAN ANH	P8	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET KHA	P8	12	1	5	70	64	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG VAN QUYET	P8	06	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH DUC	P8	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN TAN	P8	08	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TRUONG SA	P8	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TIEN	P8	09	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TIKHONOV	P8	04	1	5		97	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN HUU DUNG	P8	05	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUNG	P8	02	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
18	BACH ANH TUAN	TTC3	47	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TO TIEN DUNG	TTC3	49	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN TRONG HIEU	TTC3	48	1	5	45	55	KH-THAC	Vietnamese
21	LE DAI THANH	TTC3	46	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	15	85	1.208	70	16		INB MR PHUONG HL
2	TTC3	4	4	19	270	45	5		
TOTAL		21	19	104	1.478	115	21		
WEIGHT KG				104	1.478	115			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: TD5 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIEN*TT	TD5	24	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
2	BUI DINH PHUC	TD5	19	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
3	TU DUONG DUNG	TD5	25	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	CAO DUC HAI	TD5	26	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CAO HOANG	TD5	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM XUAN THUY	TD5	21	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	16	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HOAN	TD5	23	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUC MINH	TD5	20	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGO QUOC BAO	TD5	22	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
11	GIMLEMKHANOV R.R	TD5	11	1	9		80	KHOAN	Russian
12	KHLEBNIKOV	TD5	17	1	6		100	KHOAN	Russian
13	SEVCHENKO	TD5	18	1	5		90	KHOAN	Russian
14	TRINH DAC MINH	TD5	12	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC NAM	TD5	14	1	4		80	D-HANH	Vietnamese
16	STAZHINSKIY	TD5	13	1	4		95	D-HANH	Russian
17	ROZGON	TD5	10	1	6		90	D-HANH	Russian
18	NGUYEN VU HOI	TD5	07-08	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN NIN	TD5	05-06	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LE TRI HAI	TD5	03-04	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
21	DAO HUU TUYEN	TD5	01-02	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN QUAN	TD5	09	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	26	166	1.696	40	10		
2	GTC1	0	0	0	0	60	5		
TOTAL		22	26	166	1.696	100	15		
WEIGHT KG				166	1.696	100			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

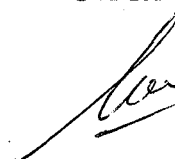
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: PVD2 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Phong - ATUÂN - Luy	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARBUNHIL	PVD2	20	1	13		93	KHOAN	Russian
2	TERRY CLEVELAND	PVD2	12	1	4		102	KHOAN	British
3	TRAN VIET ANH	PVD2	51-52	2	16		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY THAI	PVD2	19	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
5	RALPH WALLER	PVD2	14	1	12		90	KHOAN	British
6	PHAM TAN NHUT	PVD2	13	1	8		102	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH TUNG	PVD2	16-17	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HOANG VU	PVD2	18	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	PASKEVICH V.V.	VSP01	51	1	12		100	KH-THAC	Russian
11	TRUONG HIEN	VSP01	56-57	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	10	1	10		70	YTE	Vietnamese
13	TRUONG THANH PHU	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BAC HA	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA BANG	VSP01	49	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
16	GURIN V.V.	VSP01	50	1	4		95	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN DUY BINH	VSP01	53	1	4	70	80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THONG	VSP01	54-55	2	12		93	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH TRONG KIM	VSP01	52	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM HUY BINH	VSP01	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	11	80	734	0	6		
2	VSP01	13	12	75	1.007	70	16		
TOTAL		22	23	155	1.741	70	22		
WEIGHT KG				155	1.741	70			

GRAND TOAL: 1.966 KGS

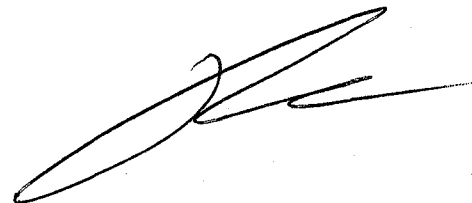
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: P6 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - Toan	ETA: 11:15
VANG-2			

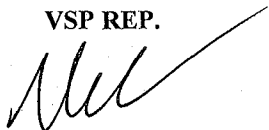
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	93	1	10	45	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THẮNG	P6	97	1	8		70	YTE	Vietnamese
3	NINH QUỐC HỘI	P6					80	KHAI THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TAI	P6	88	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ĐỨC HOE	P6	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	VU ĐINH SY	P6	94-95,71	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VU THANH ĐO	P6	89	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NI KI TIN. D.I	P6	87	1	10		90	KH-THAC	Russian
9	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3	25-26	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN TUAN *TT	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	70	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TUAN	TD3	29	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN BIEN	TD3	72	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ĐÌNH QUÝ	TD3	31	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MINH	TD3	28	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGO DUY THANH	TD3	27	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG AN	TD3	67	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG MINH	TD3	73	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	69	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NHAN	TD3	30	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRỌNG VIỆT	TD3	68	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH NHAN	TD3	71	1	4		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

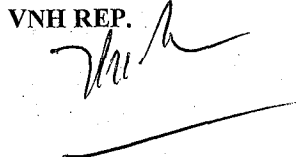
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	8	9	68	564	45	6		
2	TD3	14	14	70	944	0	16		
TOTAL		22	23	138	1.508	45	22		
WEIGHT KG				138	1.508	45			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

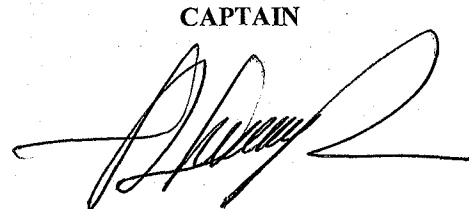
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: P1 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐỨC - THẢO	ETA: 11:35
HONG-2			

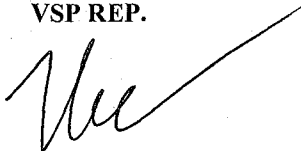
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN GIANG	P1	37	1	11		75	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG CÔNG DANH	P1	4000,27	2	17	30	77	CODIEN	Vietnamese
3	HÀ QUỐC VIỆT	P4	06	1	5		61	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	18	1	6		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	17	1	6		75	KHI	Vietnamese
6	SUDAKOV A.A	P4	15	1	10		110	KHI	Russian
7	TÀ VĂN QUYNH	P4	05	1	5		74	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	19	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	03	1	6		76	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH CANG	P4	02	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG HUY TIẾN	P4	01	1	5		57	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	07	1	5		66	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LAM	P4	20	1	6		68	KHI	Vietnamese
14	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4	04	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HUY	P4	21	1	4		60	KHI	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC TRUNG	P4	10	1	11	83	61	KHI	Vietnamese
17	PHẠM THANH TÙNG	P4	12	1	7		85	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU THĂNG	P4	13	1	5		55	KHI	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN CUÔNG	P4	08	1	6		86	KHI	Vietnamese
20	PHẠM QUANG THOM	P4	11	1	6	40	68	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HAI	P4	09	1	10		83	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU HOANG QUAN	P4	14	1	5		55	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	3	28	152	30	0		
2	P4	20	20	123	1.431	123	22		
TOTAL		22	23	151	1.583	153	22		
WEIGHT KG				151	1.583	153			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: PVD6 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐTuấn - Trường	ETA: 11:20
TIM-2			

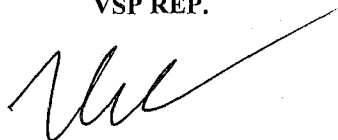
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NONG BANG GIANG	PVD6	95	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG AN	PVD6	91	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN DUY SON	PVD6	94	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
4	LE TRAN QUOC TRI	PVD6	92	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
5	TRUONG CONG DIEN	PVD6	93	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN LOI	PVD6	96	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VINH KHA	PVD6	90	1	15		68	KHOAN	Vietnamese
8	VO THANH VE	PVD6	89	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRONG TOAN	PVD6	87-88	2	13		76	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3					73	KHI	Vietnamese
11	TU NGOC HAI	RP3	04	1	5	45	75	KHI	Vietnamese
12	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	01	1	2		66	KHI	Vietnamese
13	LE ĐỨC VIỆT	RP3	03	1	3		74	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN CHINH THI	RP3	09	1	4		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG TUẤN	RP3					85	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CU	RP3	08	1	3		60	KHI	Vietnamese
17	PHAM DUY DUNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					72	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN QUỐC BAO BÌNH	RP3	06	1	3		61	KHI	Vietnamese
20	PHAM VAN LAP	RP3	07	1	3		70	KHI	Vietnamese
21	LAI VAN MINH	RP3	02	1	3		63	KHI	Vietnamese
22	PHAN VAN LY	RP3	05	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	9	10	72	631	0	8		
2	RP3	13	9	36	935	45	14		
TOTAL		22	19	108	1.566	45	22		
WEIGHT KG				108	1.566	45			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	98	1	7	25	79	KHI	Vietnamese
2	BERNHIKOV V.N	PPD	91	1	9	55	108	KHI	Russian
3	KHARITONOV IOC	PPD				8	74	KHI	Russian
4	NGUYEN MINH VIEN	PPD	87	1	10	70	71	KHI	Vietnamese
5	ĐO MINH ĐỨC	PPD	32-33	2	15		79	KHI	Vietnamese
6	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	30-31	2	10		70	KHI	Vietnamese
7	PHAN VĂN TUNG	PPD	26	1	10		75	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DUNG	PPD					71	KHI	Vietnamese
9	BUI THANH HAI	PPD	27	1	4		63	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HUU HAO	PPD	92	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	VÔ TÁ QUANG	PPD	28	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HA NIN	PPD	29	1	9		76	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	200	1	4		69	KHI	Vietnamese
14	LÊ MINH PHỤNG	PPD	96	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN VINH	PPD	97	1	7		76	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THANH SƠN	PPD	89	1	5		51	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN HÀ	PPD	95	1	5		58	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ĐĂNG HUY	PPD	84	1	5		81	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	99	1	13		49	KHI	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	88	1	6		66	KHI	Vietnamese
21	PHAN KHANH NAM	PPD	93-94	2	13		81	KHI	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	PPD	90	1	12		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	159	1.577	158	22		
TOTAL		22	23	159	1.577	158	22		
WEIGHT KG				159	1.577	158			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHOÀN - MQUÂN	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN QUANG TAI	PVD2	35	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU THANH	PVD2	39	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
3	VU HOANG YEN	PVD2	37	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VU HAI	PVD2	34	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	LY ANH TUAN	PVD2	40-41	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	DO DANG DUY	PVD2	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HAI	PVD2	38	1	5	80	75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN DUC	PVD2	31	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	PVD2	42-43	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
10	BUI HUY HOANG	PVD2	44	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	HO HUU QUOC NAM	PVD2	47	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
12	TRUONG TAN LOC	PVD2	45	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG VINH	PVD2	46	1	5		94	KHOAN	Vietnamese
14	BUI XUAN DIEP	PVD2	27	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN XUAN LONG	PVD2	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VU DUYEN	PVD2	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN CONG BINH	PVD2	23-25	3	17		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN MANH	PVD2	29	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	MAI THANH NAM	PVD2	26	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN TUONG	PVD2	30	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN KY	PVD2	32	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	25	143	1.486	80	21		
	TOTAL	21	25	143	1.486	80	21		
	WEIGHT KG			143	1.486	80			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

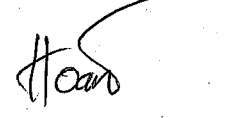
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: TGTH4 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - Vũ	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	28	1	7		73	HLJOC	Vietname
2	NGUYEN VAN DINH	TGTH4	27	1	6		70	KH-THAC	Vietname
3	VI TRAN TAN THUAN	TGTH4	29-30	2	15		65	KH-THAC	Vietname
4	CECIL DUNCAN VAUGHAN	AMD	31-32	2	17		83	BAB	S.African
5	RICHARD DIAS	AMD	29-30	2	11		75	BAB	Indian
6	THAN CANH THINH	AMD	35-36,51	3	18		71	TLJOC	Vietname
7	CU XUAN HUY	AMD	45	1	6		63	HLJOC	Vietname
8	BU XUAN TAO	AMD	34	1	7		65	KH-THAC	Vietname
9	NGUYEN CONG DUNG	AMD	46	1	12		74	KH-THAC	Vietname
10	NGUYEN VAN TAN	AMD	43	1	5		75	KH-THAC	Vietname
11	TRAN DINH HIEU	AMD	38	1	6		72	KH-THAC	Vietname
12	NGUYEN VAN HUNG	AMD	50	1	7		73	KH-THAC	Vietname
13	DAO DUC HUY	AMD	44	1	9		65	KH-THAC	Vietname
14	NGUYEN DUC HAU	AMD	33	1	8		66	KH-THAC	Vietname
15	PHAM ANH NGU	AMD	47	1	4		71	KH-THAC	Vietname
16	DOAN VAN DUNG	AMD	48	1	5		79	KH-THAC	Vietname
17	HOANG HO NGHIA	AMD	49	1	9		70	KH-THAC	Vietname
18	NGUYEN NGOC THU	AMD	42	1	4		69	KH-THAC	Vietname
19	VO XUAN HA	AMD	39	1	4		63	KH-THAC	Vietname
20	PHAM VAN LAM	AMD	40	1	9		75	KH-THAC	Vietname
21	LE THANH TAN	AMD	37	1	9		58	KH-THAC	Vietname
22	TRAN MINH DUC	AMD	41	1	8		76	KH-THAC	Vietname

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	3	4	28	208	0	2		
2	AMD	19	23	158	1.343	0	20		
TOTAL		22	27	186	1.551	0	22		
WEIGHT KG				186	1.551	0			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: VSP01 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:55
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - THẢO	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN MIT	VSP01	24	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC	VSP01	14	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH VAN THON	VSP01					77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO XUAN DUC	VSP01	22	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	26	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	17	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA NGOC	VSP01	16	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH THANG	VSP01	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGUYEN QUANG	VSP01	18	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN VIET DANG	VSP01	21	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN ANH TUAN	VSP01	27	1	11	50	65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN TOAN	VSP01	25	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN TRUONG	VSP01	23	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THUY	VSP01	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	13	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG MINH SON	VSP01	15	1	6		67	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HOAN	VSP01	19-20	2	8		55	NIPI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN AN	P4	30	1	6		67	KHI	Vietnamese
20	LE HONG TRIEU	P4	29	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	LE VAN HA	P4	31	1	7	35	59	KHI	Vietnamese
22	VU TRONG TU	P4	28	1	4		61	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	18	17	79	1.187	50	14		
2	P4	4	4	22	247	35	6		
TOTAL		22	21	101	1.434	85	20		
WEIGHT KG				101	1.434	85			

GRAND TOTAL: 1.620 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: AMD - P6	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Trường	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC DUONG	AMD	95	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ĐỨC TÂM	AMD	31	1	6	87	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO TRI HUNG	AMD	94	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI MẠNH KHANH CUONG	P6	80	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN CU	P6	87	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THIN	P6	72	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN KHUONG	P6	76	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN QUANG	P6	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG	P6	78	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO KIM SAM	P6	81	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUY THONG	P6	73	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
12	LAM VAN KHUONG	P6	74	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO VAN SANG	P6	77	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHU	P6	75	1	4	13	75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÔNG XUAN PHU	P6	86	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY TUNG	P6	36	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN LOI	P6	35	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
18	VU ĐỨC DUNG	P6	88	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THUC PHUC	P6					62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM HOANG TUNG	P6	82	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VIET THUAN	P6	79	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN TAN	P6	83-84	2	12		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	3	3	24	195	87	3		
2	P6	19	19	104	1.297	13	19		
TOTAL		22	22	128	1.492	100	22		
WEIGHT KG				128	1.492	100			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: TTC1 - TTC2 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - Năm	ETA: 13:30
TIM- 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DOA	TTC1	52	1	6	40	60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN CONG TUYEN	TTC1	51	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG THUY	TTC1	50	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG LONG HAI	TTC1	53	1	7		93	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN QUYNH	TTC1					70	GETRACO	Vietnamese
6	ĐO NGUYEN HONG LANH	TTC2	73	1	11	40	81	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN THUC	TTC2	72	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TUAN ANH	TTC2	75	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	56	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI DOAN BINH	TTC2	76	1	8		75	NIPI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	74	1	4		76	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN NHUT BANG	PPD	95-96	2	13	27	79	KHI	Vietnamese
13	LE HONG DAN	PPD	93-94	2	9	20	79	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN QUYET QUYNH	PPD	97-98	2	16		65	NHA THAU	Vietnamese
15	LAM NGOC PHUC	PPD	1000	1	12		86	NHA THAU	Vietnamese
16	ĐO DUY LICH	PPD	32	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LE NGOC SON	PPD	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAO MANH HUY	PPD	30	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐUC TUAN	PPD	100	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI ĐUC TRUYEN	PPD	998	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM QUANG HUY	PPD	99	1	7		103	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN MANH CUO	PPD	999	1	18		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	4	21	363	40	5		
2	TTC2	6	6	40	414	40	6		
3	PPD	11	14	116	854	47	11		
TOTAL		22	24	177	1.631	127	22		
WEIGHT KG				177	1.631	127			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/12/2018	TO: PVD6	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:30
FLIGHT: 16	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHOÀN - MQUÂN	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUÂN TRƯỜNG	PVD6	43	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HAI	PVD6	66	1	6	42	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	PVD6	44	1	8	45	70	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HAI	PVD6	48	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN THẾ HUY	PVD6	47	1	7		74	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN THANH TRUNG	PVD6	45	1	6	13	61	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG MINH TU	PVD6	41-42	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG THẮNG	PVD6	87	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ BÍCH ANH	PVD6	94-95	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN QUÂN	PVD6	67,39	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ HỒNG VĂN	PVD6	99,600	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	PVD6	88	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ TU HUE	PVD6	97-98	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ THIẾT	PVD6	46	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN DÂN	PVD6	96	1	6		66	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH HAI ĐUÔNG	PVD6	65	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ QUANG TẠO	PVD6	86	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TUÂN	PVD6	03	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG ANH TINH	PVD6	92	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HÙNG	PVD6	40	1	19		64	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HIỀN	PVD6	90	1	10	14	82	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH BẢNG	PVD6	93	1	9		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	27	229	1.520	129	20		
	TOTAL	22	27	229	1.520	129	20		
	WEIGHT KG			229	1.520	129			

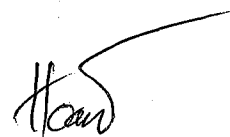
GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/12/2018	TO: P8 - P6 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:35
FLIGHT: 17	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Vũ	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAX NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH HOÀNG	P8	23	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	25	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH VINH	P8	21	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	24	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HAI****	P8	28	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	22	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	20	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	27	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO ĐỨC THAI	P8	26	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THẮNG	P6	03-04	2	13		80	NIPI	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÀI	P6	01	1	3		78	GETRACO	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC DOANH	P6	51	1	5		82	GETRACO	Vietnamese
13	LÊ VĂN HẠN	P6	02	1	8		64	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN QUANG UY	P6	05	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH THẮNG	P7	01	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUYÊN	P7	88-89	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
17	THÂN VĂN TÝ	P7	87	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
18	LÀ VĂN ĐỨC	P7	85-86	2	18	35	60	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN NAM	P7	93	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM HOÀNG	P7	90	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THUẬN	P7	84	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ XUÂN VIỆT	P7	82-83	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	9	9	59	624	0	8		
2	P6	5	6	33	369	0	1		
3	P7	8	11	105	533	35	13		
TOTAL		22	26	197	1.526	35	22		
WEIGHT KG				197	1.526	35			

GRAND TOTAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN